TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

Bản án số:11/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 02/7/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tần

2. Bà Nguyễn Thị Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C**: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C

Trong ngày 02 tháng 07 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS, ngày 04/6/2019, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th – sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã V, huyện C , Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: Anh Vũ Viết T – sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã V, huyện C ,Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 12 năm 2018, bản tự khai ngày 18 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh T lấy nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ lâu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung cháu Vũ Viết T– Sinh ngày: 06/12/2012. Hiện nay cháu đang ở với bố nên chị sẽ nhường quyền nuôi con cho anh T.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 12 tháng 5 năm 2019, bị đơn anh Vũ Viết T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Th lấy nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi lấy nhau xong vợ chồng chung sống hòa thuận. Nhưng do làm ăn kinh tế bị thất bại nên năm 2017 anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, sang đó 1 thời gian anh bị bệnh và phải trở về quê để điều trị bệnh. Từ đó chị Th luôn tỏ ra khó chịu, gia đình nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng chị Th không nghe. Đến tháng 7/2018 chị Th tự bỏ đi, để con trai lại cho ông bà nội chăm sóc. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhất trí. Do công việc của anh bận, nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về con chung: Anh T thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Viết T – Sinh ngày: 06/12/2012. Sau khi chị Th bỏ đi, cháu ở với anh và ông bà nội đến nay. Nay anh đề nghị được nuôi cháu, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: anh T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa giải quyết

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Th ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Vũ Viết T, sinh ngày 06/12/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: Chị Th và anh T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Viết T. Cả hai có hộ khẩu thường trú tại: xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Vũ Viết T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa. Do công việc bận nên anh làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ lâu. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị Thu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51; điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung: Vũ Viết T, sinh ngày 06/12/2012. Hiện nay, cháu T đang ở với anh T. Chị Th cũng nhất trí giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện ổn định về mọi mặt cho cháu T, nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227 và điều 273 Bộ luật TTDS.

Căn cứ vào các điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Th

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Vũ Viết T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Vũ Viết T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nếu vi phạm thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003805, ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được npiêm yết.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện C;
-TAND tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã V;
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Dung